

Số: /BC - THNgC

Hải Dương, ngày 25 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: trường Tiểu học Ngọc Châu

2. Địa chỉ: Số 3 Trần Thánh Tông, thành phố Hải Dương

Điện thoại: 0919 108 071

Website: <http://hd-thngocchau.haiduong.edu.vn>

Email: hd-thngocchau@haiduong.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan quản lý: UBND thành phố Hải Dương
- Giáo dục tiểu học

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng nơi mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo; luôn tự hào về ngôi trường của mình; để trường Tiểu học Ngọc Châu là “trường học hạnh phúc”..

- Tầm nhìn: Phấn đấu là một trường chuẩn mực và năng động, là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt với cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên.

- Mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại. Là trường có chất lượng giáo dục tốt, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh thành phố Hải Dương.

5. Tóm tắt quá trình thành lập và phát triển

Trường Tiểu học Ngọc Châu được thành lập năm 1992, tách từ trường Phổ thông cơ sở Ngọc Châu – Xã Ngọc Châu, thành phố Hải Dương với tên sơ khai là trường Phổ thông cấp 1 Ngọc Châu. Năm 1995 được đổi tên thành Trường Tiểu học Ngọc Châu (Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 20/7/1995 của UBND Thị xã Hải Dương). Trải qua hơn ba mươi năm xây dựng và trưởng thành, quy mô trường lớp ngày càng phát triển. Nhà trường đã tạo được uy tín, niềm tin với các cấp ủy Đảng,

chính quyền và nhân dân địa phương, là một địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh và học sinh thành phố Hải Dương. Trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2005; đạt chuẩn Quốc gia mức độ II năm 2010 và 2016, 2025; đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2014, 2025.

Trường được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen năm 2012; 2017; được Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương tặng giấy khen năm 2017, 2018, 2019, 2021, 2024, 2025.

Trong những năm qua, thầy và trò nhà trường liên tục giữ vững chất lượng giáo dục và có những bước tiến vững chắc, hàng năm đều đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc, tập thể Lao động tiên tiến, nhiều cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu CSTĐ, giáo viên giỏi các cấp, góp phần không nhỏ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế của phường Ngọc Châu.

6. Thông tin đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Quyên Oanh Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Ngọc Châu, số 3 Trần Thánh Tông, thành phố Hải Dương.

Số điện thoại: 0919108071; Gmail: quyenoanhhd@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Quyết định đổi tên trường: số 179/QĐ-UB ngày 20/7/1995 của UBND tỉnh Hải Hưng

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường

- Quyết định số 495/QĐ-PGDĐT ngày 21/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Dương về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường.

Danh sách thành viên hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Nguyễn Thị Quyên Oanh	Bí thư chi bộ-Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Hoàng Thị Nga	Giáo viên	Thư ký
3	Nguyễn Thị Thu Hương	Tổ trưởng chuyên môn 1	Thành viên
4	Nguyễn Thị Ngân	Tổ trưởng tổ 2-3	Thành viên
5	Lương Thị Phong Thu	Tổ trưởng tổ 4-5	Thành viên
6	Nguyễn Thị Yến	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
7	Phạm Thị Miên	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
8	Đinh Văn Tuấn	Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thành viên
9	Hoàng Thu Thủy	Phó Chủ tịch UBND phường Ngọc Châu	Thành viên

10	Phạm Thị Phụng	Ban Đại diện Cha mẹ học sinh	Thành viên
11	Nguyễn Thị Thu Làn	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên

7.3 Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng

Quyết định Hiệu trưởng: Số 3455/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định điều động Phó hiệu trưởng: Số 2611/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

7.4. Quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng; nhiệm vụ; quyền hạn; sơ đồ bộ máy của cơ sở giáo dục

Quy chế tổ chức hoạt động; chức năng; nhiệm vụ; quyền hạn

- Cơ chế hoạt động: Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Ngọc Châu làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ thủ trưởng và chịu trách nhiệm cá nhân. Mọi hoạt động của nhà trường phải tuân thủ các quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của UBND thành phố Hải Dương, các văn bản hướng dẫn ngành Giáo dục & Đào tạo, Quy chế làm việc và các văn bản quản lý của trường.

Hiệu trưởng lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND thành phố Hải Dương và trước pháp luật theo quy định chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, kể cả khi phân

công hoặc ủy quyền cho các Phó hiệu trưởng hoặc cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ giao một bộ phận hoặc một cá nhân chịu trách nhiệm giải quyết và chịu trách nhiệm chính về công việc được giao. Phó hiệu trưởng giúp việc cho Hiệu trưởng được Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể, có trách nhiệm quản lý, điều phối giải quyết các công việc theo sự phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước pháp luật về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp Hiệu trưởng phân công hoặc ủy quyền cho cấp dưới thì người được giao công việc phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật; Cán bộ, viên chức, giáo viên, nhân viên của trường phải xử lý và giải quyết công việc đúng trình tự, thủ tục, phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề cao trách nhiệm trong phối hợp công tác, trao đổi thông tin giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc phải bảo đảm tuân thủ theo đúng Quy chế làm việc của nhà trường, trừ những công việc được yêu cầu giải quyết ở mức độ “Khẩn”, “Hỏa tốc”.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Ngọc Châu được thành lập năm 1992. Trường có 1 điểm trường thuộc phường Ngọc Châu, có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường Tiểu học Ngọc Châu là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Hải Dương, được quản lý trực tiếp về chuyên môn bởi Phòng GD&ĐT TP Hải Dương.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường:

- + Hội đồng trường: 11 thành viên
- + Lãnh đạo nhà trường: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng
- + Hội đồng thi đua khen thưởng: 01 Hội đồng
- + Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có: 01 Chi bộ, 27 Đảng viên
- + Tổ chức Công đoàn có 47 đoàn viên
- + Tổ chức Chi đoàn có 21 đoàn viên
- + Tổ chức Đoàn đội.
- + Các tổ chuyên môn, vp: 03 tổ chuyên môn; 01 tổ văn phòng.

đ) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ hòm thư, nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Quyên Oanh	HT	0910108071	Quyenoanhhd@gmail.com
2	Trần Cẩm Giang	PHT	0975732468	ninhgiang304@gmail.com
3	Trần Thị Thu Hiền	PHT	0977336967	Hienhieuphongocchau@gmail.com

Địa chỉ, nơi làm việc: Trường tiểu học Ngọc Châu, số 3 Trần Thánh Tông, thành phố Hải Dương.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (Có văn bản đính kèm).

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

+ Năm học 2025 - 2026:

Tổng số CB, GV, NV biên chế: 47; Hợp đồng: 0

Trong đó : CBQL: 03; GV: 41; NV: 03.

[illegible]

2. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

2.1. Khối phòng hành chính quản trị

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng Hiệu trưởng	1	1				18	
Phòng Phó hiệu trưởng	2	2				36	
Văn phòng	01	01				18	1
Phòng Bảo vệ	1		1			18	
Khu vệ sinh của CB, GV, NV	1	1				40	
Khu để xe của CB, GV, NV	1	0	1			15	1

2.2. Khối phòng học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích(m ²)	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng học	28	28				1512	0
Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1				54	0
Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1				54	0
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	2				108	0
Phòng học bộ môn Tin học	1	1				54	0
Phòng học bộ môn KH-CN	1	1				54	0
Phòng đa chức năng	1	1				108	0

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Ghi chú (còn thiếu)
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng thư viện	1	1				70	
Phòng thiết bị	1	1				54	
Phòng đọc giáo viên	1		1			36	
Phòng tư vấn học đường	1	1				54	

Phòng truyền thống	1	1				36	
Phòng hoạt động Đội	1	1				18	

2.4. Khối phụ trợ

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích (m ²)	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng họp	1	1				60	
Phòng y tế trường học	1	1				18	
Nhà kho	1	1				54	
Khu để xe của học sinh	1	0	1			70	
Khu vệ sinh của học sinh	3	3				195	
Cổng, tường bao, hàng rào.	1	x					0

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Không

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

Tên	Diện tích	Đánh giá chất lượng sử dụng	Còn thiếu
Sân chơi	1500	Tốt	
Thể dục thể thao	150	Tốt	Khu thể chất sau nhà C

2.6. Khối phục vụ sinh hoạt

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích (m ²)	Ghi chú
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Nhà bếp	1				1	20	
Kho bếp	1	1				36	
Nhà ăn	0					0	

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Tham mưu với các cấp xây dựng nhà bếp, nhà đa năng mới, đúng quy cách và yêu cầu của trường Chuẩn quốc gia

3. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống nước sạch: Các khu của nhà trường đều có hệ thống nước sạch đảm bảo tốt cho sử dụng, đảm bảo vệ sinh, môi trường xanh, sạch, đẹp, có hệ thống nước sạch, khu nhà vệ sinh, các trang thiết bị cơ sở vật chất ... đảm bảo tốt cho năm học mới.

- Hệ thống cấp điện: Các khu nhà trường đều có hệ thống cấp điện đảm bảo công suất cho việc sử dụng.

- Hệ thống phòng cháy: Nhà trường đã xây dựng các phương án phòng cháy, chữa cháy, có các thiết bị cần thiết cho việc phòng cháy, chữa cháy.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc (*điện thoại, kết nối Internet, ...*): Toàn bộ các phòng học, phòng chức năng của nhà trường đều được kết nối Internet tạo điều kiện tốt cho học giảng dạy, học tập và làm việc của cán bộ giáo viên, học sinh.

- Khu thu gom rác thải: Nhà trường có hệ thống các thùng chứa rác thải, đã hợp đồng với công nhân vệ sinh môi trường thu gom rác thải theo đúng quy định, đảm bảo môi trường luôn sạch.

Bàn, ghế, bảng

Loại	Tổng số	Thiếu	Mua mới	Sửa
Bàn ghế giáo viên (<i>bộ</i>)	35	0	0	0
Bàn học sinh	680	0	0	0
Ghế học sinh	1360	0	0	0
Bảng	35	0	0	0
Trong đó (<i>Bảng chống loá</i>)	35	0	0	0

4. Trang thiết bị

4.1. Hệ thống camera giám sát

Tổng số mắt thu	Năm lắp đặt	Tình trạng hoạt động	Nguồn kinh phí (<i>triệu đồng</i>)		Nhu cầu cần bổ sung
			Ngân sách	XHH	
22	2022	Tốt	6,45		Có

4.2. Tivi, máy tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy

Tên	Số lượng (chiếc, bộ)	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
Tivi dùng cho văn phòng	1	Tốt	
Tivi trên lớp học	34	Hỏng 1 cái	
Máy tính dùng cho văn phòng	6	Tốt	
Máy tính dùng cho học sinh	13	Bình thường	
Máy chiếu	2	Tốt	
Máy in	6	Tốt	
Máy photocopy	0		

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt năm học 2025 - 2026**
- Sách giáo khoa lớp 1

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
1	Tiếng Việt 1, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Thị Ly Kha, Lê Hữu Tĩnh	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
2	Tiếng Việt 1, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
3	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	NXB Đại học Sư phạm	Cánh diều
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang	NXB Đại học Sư phạm	Cánh diều
5	Đạo Đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiền	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư	NXB Giáo dục Việt Nam	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD
8	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường	NXB Đại học Sư phạm	Cánh diều
9	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
10	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang	NXB Giáo dục Việt Nam	Global Success

- Sách giáo khoa lớp 2

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
1	Tiếng Việt 2, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Hà, Đặng Kim Nga, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Tố Ninh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
2	Tiếng Việt 2, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tinh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
3	Toán 2, Tập 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
4	Toán 2, tập 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Tự nhiên và Xã hội 2	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền	Đại học Sư phạm	Cánh điều
6	Đạo Đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hường	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
7	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
8	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên, (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Giáo dục thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên), Phạm Tràng Kha, Nguyễn Duy Linh	Đại học Sư phạm	Cánh điều
10	Hoạt động trải nghiệm 2	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
11	Tiếng Anh 2	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	Global Success

- Sách giáo khoa lớp 3

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
1	Tiếng Việt 3, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
2	Tiếng Việt 3, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
3	Toán 3, tập 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
4	Toán 3, tập 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Công nghệ 3	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên), Nhữ Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
6	Tin học 3	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy	Đại học Sư phạm	Cánh điều
7	Tự nhiên và Xã hội 3	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái	Đại học Sư phạm	Cánh điều
8	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tống Quyên, Nguyễn Thị Hàn Thy	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
11	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương	Đại học Sư phạm	Cánh điều
12	Hoạt động trải nghiệm 3	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều

13	Tiếng Anh 3	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	Global Success
----	-------------	--	-----------------------	----------------

- Sách giáo khoa lớp 4

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
1	Tiếng Việt 4, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (TCB kiêm CB) – Chu Thị Thuỷ An – Phan Thị Hồ Điệp – Nguyễn Thị Bích Hà – Nguyễn Khánh Hà – Trần Mạnh Hường – Trần Bích Thuỷ	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
2	Tiếng Việt 4, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (TCB kiêm CB) – Hoàng Hoà Bình - Vũ Trọng Đông - Đặng Kim Nga - Nguyễn Thị Tố Ninh - Đặng Thị Yến	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
3	Toán 4	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) - Nguyễn Hoài Anh - Trần Thuý Nga - Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh diều
4	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) – Đỗ Tất Thiên (Chủ biên) – Nguyễn Chung Hải – Nguyễn Thị Diễm My – Huỳnh Tông Quyền – Nguyễn Thị Hàn Thy	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
5	Lịch sử và địa lí 4	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Đại học Sư phạm	Cánh diều
6	Khoa học 4	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Đại học Sư phạm	Cánh diều
7	Hoạt động trải nghiệm 4	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
8	Tin học 4	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thuỷ (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm	Cánh diều
9	Công nghệ 4	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
10	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
11	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo (bản 1)
12	Giáo dục thể chất 4	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Thị Mai Anh, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Khánh Thu	Đại học Sư phạm	Cánh diều
13	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc	NXB Giáo dục Việt	Global Success

	Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn	Nam	
--	---	-----	--

- Sách giáo khoa lớp 5

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Cánh Diều	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
		Cánh Diều	Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
2	Toán 5	Cánh Diều	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	NXB Đại học Sư phạm
		Cánh Diều	Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	NXB Đại học Sư phạm
3	Đạo đức 5	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tấn Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
4	Lịch sử và Địa lí 5	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh; Nguyễn Thị Phương Thanh; Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí) Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	NXB Đại học Sư phạm
5	Khoa học 5	Cánh Diều	Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	NXB Đại học Sư phạm
6	Tin học 5	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	NXB Đại học Sư phạm
7	Công nghệ 5	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
8	Giáo dục Thể chất 5	Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh	NXB Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc 5	Cánh Diều	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh – Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
10	Hoạt động trải nghiệm 5	Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
11	Mĩ thuật 5	Chân trời sáng tạo (Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam

12	Tiếng Anh 5	Bộ Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
----	----------------	----------------------	---	--------------------------------------

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định, xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục năm 2025.

Cụ thể:

Tự đánh giá

- + Tiêu chuẩn 1: Đạt 10/10 tiêu chí;
- + Tiêu chuẩn 2: Đạt 4/4 tiêu chí
- + Tiêu chuẩn 3: Đạt 6/6 tiêu chí; Tuy nhiên nhà đa năng chưa được xây dựng.
- + Tiêu chuẩn 4: Đạt 2/2 tiêu chí;
- + Tiêu chuẩn 5: Đạt 5/5 tiêu chí;

* Đánh giá các tiêu chí theo mức 1, 2, 3

- Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt: 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %;
- Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt 27 /27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %;
- Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt 19/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%.

* Đánh giá các tiêu chí theo mức 4.

- Tổng số Tiêu chí Đạt: 2/5 tiêu chí – đạt 40%
- Tổng số Tiêu chí Chưa đạt: 3/5 tiêu chí – đạt 60%

Mức đánh giá của trường: Mức 3

Kết quả: Được Sở GD&ĐT Hải Dương công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

V. Kết quả hoạt động giáo dục

1. Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026: Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025 (Kế hoạch số 12/KH-THNgC ngày 22/5/2025 của trường TH Ngọc Châu). Cụ thể:

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 5 lớp - 170 học sinh
- Đối tượng tuyển sinh: Trẻ 6 tuổi sinh năm 2019
- Trường hợp đặc biệt: Trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về có thể vào học lớp Một ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi)
- Địa bàn tuyển sinh: Phường Ngọc Châu: Khu 5, 7, 13, 14, 15, Khu Tái định cư và khu 6 (trừ phố Nguyễn Thiện Thuật, ngõ 7 Tổng Duy Tân)
- Phương thức, hình thức tuyển sinh:
 - + Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
 - + Hình thức: Đăng kí tuyển sinh trực tiếp tại trường
- Thời gian tuyển sinh: 02 ngày, từ ngày 03/6/2025 đến hết ngày 04/6/2025.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (2024-2025):

***/ Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025:**

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số 997 em học sinh (trong đó có 2 học sinh khuyết tật học hòa nhập) được biên chế trong 28 lớp, cụ thể như sau:

Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp
187	6	177	5	147	4	261	7	225	6	997	28

*** Chất lượng giáo dục**

Tổng hợp chung chất lượng dạy và học

[illegible]

[illegible]

2.7	Thể chất	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	863-86,6%	167	89,3	153	86,4	129	87,8	225	86,2	189	84
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	134-13,4%	20	10,7	24	13,6	18	12,2	36	13,8	36	16
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Phẩm chất	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
3.1	Yêu nước	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	997-100%	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Nhân ái	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	997-100%	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Chăm chỉ	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	851-85,4%	162	86,6	145	81,9	123	83,7	227	87	194	86,2
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	146-14,6%	25	13,4	32	18,1	24	16,3	34	13	31	13,8
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Trung thực	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	946-94,7%	181	96,8	153	86,4	136	92,5	257	98,5	219	97,3
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	51-5,1%	6	3,2	24	13,6	11	7,5	4	1,5	6	2,7
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Trách nhiệm	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	887-89%	164	87,7	146	82,5	129	87,8	243	93,1	205	91,1
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	110-11%	23	12,3	31	17,5	18	12,2	18	6,9	20	8,9
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100

1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	630-63,2%	135	72,2	127	71,8	90	61,2	154	59	124	55,1
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	106-10,6%	15	8	9	5,1	23	15,6	26	10	33	14,7
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	261-26,2%	37	19,8	41	23,1	34	23,2	81	31	68	30,2
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	997	187	100	177	100	147	100	261	100	225	100
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0										
3	Khen thưởng	753-75,6%	148	79,1	136	76,8	115	78,2	185	70,9	170	75,6
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	733-73,5%	148	79,1	135	76,3	113	76,9	180	69	157	69,8
	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	21-2,1%	0	0	1	0,5	2	1,3	5	1,9	13	5,8

*** Kết quả các hội thi giao lưu, các hoạt động thi đua:**

* Cấp Quốc gia: 8 giải.

- Olympic tiếng Anh đông nam á: 2 huy chương đồng

- Thi Tiếng anh JEO: 1 KK;

- Tiếng Anh IOE: 1 Huy chương Bạc, 1 Huy chương Đồng

- Cup khiêu vũ thể thao: 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 01 Huy chương Đồng

* Cấp Tỉnh: 48 giải

- Thi tiếng Anh IOE: 01 giải nhì; 2 giải ba, 5 KK

- Trạng nguyên TV : 04 giải nhì, 4 giải ba, 18 KK

- Thi Cờ vua: 01 giải nhì; 01 giải KK

- Thi Khiêu vũ thể thao (TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc mở rộng): 01 huy chương vàng;

- Vio.edu Tiếng Anh: 1 giải Vàng; 1 giải Đồng, 4 KK

- Vio.edu Toán: 1 Vàng, 1 Đồng; 2 KK

- Vẽ tranh “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”: 01 KK

*** Cấp Thành phố:**

- + Học sinh: 03 giải tập thể; 49 giải cá nhân
- Tập thể: 3 giải Ba (Chạy tập thể; Bóng đá; Cờ vua)
- Cá nhân: Cờ vua: 01 giải nhất; 1 nhì; 04 giải ba
- Trạng nguyên Tiếng Việt: 4 giải nhất; 15 nhì; 9 ba; 11KK
- Thi vẽ tranh: “Ước mơ về thành phố Hải Dương tương lai”: 01 giải nhất; 02 giải ba; 01 giải triển vọng.
- + GV: 03 GV giỏi cấp TP.

- Có 07 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở (TP)

*** Kết quả thi đua của trường năm học 2024 - 2025**

*** Kết quả thi đua của trường năm học 2024 - 2025**

- Trường đạt danh hiệu: Tập thể LĐTT - Giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố
- Công đoàn đạt danh hiệu: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Chi đoàn đạt danh hiệu: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Liên đội đạt danh hiệu: Được đề nghị Hội đồng đội tỉnh Hải Dương tặng giấy khen.
- 28/28 lớp đạt danh hiệu: 23 lớp xuất sắc; 5 lớp Tiên tiến;
- Cá nhân:
 - + Đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba: 01 đ/c (CBQL)
 - + Đề nghị Thủ tướng CP tặng bằng khen: 02 đ/c (CBQL)
 - + Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 2 đ/c (GV: 2 đ/c).
 - + Giấy khen của Chủ tịch UBND TP: 7 đ/c (GV: 7 đ/c).
 - + Đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở: 5 đ/c (CBQL 1 đ/c; GV 4 đ/c).
- Có 47 CBGVNV danh hiệu LĐTT;

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học; số lượng học sinh được tuyển vào THCS

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: Năm học 2024 - 2025: 225 em
- Số lượng học sinh được tuyển vào lớp 6: 225 em
- Số lượng học sinh đỗ vào các trường chất lượng cao: 17 em

VI. Kết quả tài chính

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

*** Nguồn ngân sách:**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0

1	Số thu phí, lệ phí	0
1.1	Học phí	0
1.2	Thu từ cấp bù học phí	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0
2.1	Chi lương	0
2.2	Chi hoạt động	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.075.539.732
II	Nguồn ngân sách trong nước	10.075.539.732
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.075.539.732
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.236.376.000
3.1.1	Quỹ tiền lương	8.720.123.550
3.1.2	Tiền thưởng	22.140.000
3.1.3	Phúc lợi	48.000.000
3.1.4	Thu nhập tăng thêm	38.123.096
3.1.5	Chi hoạt động	407.989.354
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.2.1	Kinh phí bổ sung chi thăng hạng + hợp đồng	240.127.000
3.2.2	Khen thưởng	6.970.000
3.2.3	Hỗ trợ GV lương thấp	8.400.000
3.2.4	Chi phí học tập	10.650.000
3.2.5	Học bổng Học sinh khuyết tật + hỗ trợ đồ dùng học tập	0
3.2.6	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	39.734.336
3.2.7	Kinh phí tinh giản biên chế	0
3.3	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ73	262.057.000
3.4	Các chế độ khác	0
3.5	Chi khác	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
----------	-------------	---------	---------

Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND		10.650.000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	6	3.600.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	6	4.500.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng		0	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025		0	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025		0	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập		0	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025		0	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025		0	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Học sinh Khối 1	đồng/học sinh	Thu theo quy định của bảo hiểm dựa trên ngày, tháng sinh của học sinh	Thu theo năm (Từ T10/2024 đến T12/2025). Có thông báo thu riêng cho khoản thu này.
	Học sinh Khối 2, 3, 4, 5	đồng/học sinh/năm	884.520	Thu theo năm (Từ T01/2025 đến T12/2025)
2	Tiền dạy học 2 buổi/ngày	đồng/học sinh/Kì	Theo phương án thu – chi cụ thể	Thu theo học kỳ
3	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	đồng/học sinh/tháng	20.000	Thu theo học kỳ
4	Học tiếng nước ngoài (TANN)	đồng/học sinh/tiết	37.120	Thu theo tháng

5	Tiền nước uống cho HS	đồng/học sinh/tháng	7.000	Thu theo học kỳ
6	Học kỹ năng sống	đồng/học sinh/tiết	12.000	Thu theo tháng
7	Tiền bán trú (tính trên 1 tháng 22 buổi ăn)			
a	Tiền ăn			
-	Tiền ăn lớp 1, 2	đồng/học sinh/tháng	685.000	Thu theo số ngày thực ăn của HS, thu theo tháng
-	Tiền ăn lớp 3, 4, 5	đồng/học sinh/tháng	696.000	Thu theo số ngày thực ăn của HS, thu theo tháng
b	Chăm sóc, phục vụ bán trú (người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)	đồng/học sinh/tháng	200.000	Thu theo số ngày thực ăn của HS, thu theo tháng
c	Phụ phí (chất đốt, điện nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	đồng/học sinh/tháng	50.000	Thu theo số ngày thực ăn của HS, thu theo tháng
8	Tiền mua sắm vật dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho HS bán trú lần đầu	đồng/học sinh/khóa học	200.000	Thu vào năm đầu tiên HS ăn BT
9	Tài trợ	đồng		
Năm học 2025-2026				
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Học sinh Khối 1	đồng/học sinh	Thu theo quy định của bảo hiểm dựa trên ngày, tháng sinh của học sinh	Thu theo năm (Từ T10/2025 đến T12/2026). Có thông báo thu riêng cho khoản thu này.
	Học sinh Khối 2, 3, 4, 5	đồng/học sinh/năm	884.520đ	Thu theo năm (Từ T01/2026 đến T12/2026)
2	Tiền dạy học 2 buổi/ngày	đồng/học sinh/Kì	Theo phương án thu – chi cụ thể	

3	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	đồng/học sinh/tháng		
4	Học tiếng nước ngoài (TANN)	đồng/học sinh/tiết		
5	Tiền nước uống cho HS	đồng/học sinh/tháng		
6	Học kỹ năng sống	đồng/học sinh/tiết		
7	Tiền bán trú (tính trên 1 tháng 22 buổi ăn)			
a	Tiền ăn			
-	Tiền ăn lớp 1, 2	đồng/học sinh/tháng		
-	Tiền ăn lớp 3, 4, 5	đồng/học sinh/tháng		
b	Chăm sóc, phục vụ bán trú (người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)	đồng/học sinh/tháng		
c	Phụ phí (chất đốt, điện nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	đồng/học sinh/tháng		
8	Tiền mua sắm vật dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho HS bán trú lần đầu	đồng/học sinh/khóa học		
9	Tài trợ	đồng		
Dự kiến Năm học 2026-2027				
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Học sinh Khối 1	đồng/học sinh	Thu theo quy định của bảo hiểm dựa trên ngày, tháng sinh của học sinh	Thu theo năm (Từ T10/2026 đến T12/2027). Có thông báo thu riêng cho khoản thu này.
	Học sinh Khối 2, 3, 4, 5	đồng/học sinh/năm	Thu theo quy định của bảo hiểm dựa trên mức lương cơ sở	Thu theo năm (Từ T01/2027 đến T12/2027)
2	Tiền dạy học 2 buổi/ngày	đồng/học sinh/Kì	Theo phương án thu – chi cụ thể	Thu theo học kỳ
3	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	đồng/học sinh/tháng		Thu theo học kỳ

4	Học tiếng nước ngoài (TANN)	đồng/học sinh/tiết		Thu theo tháng
5	Tiền nước uống cho HS	đồng/học sinh/tháng		Thu theo học kỳ
6	Học kỹ năng sống	đồng/học sinh/tiết		
7	Tiền bán trú (tính trên 1 tháng 22 buổi ăn)			
a	Tiền ăn (suất ăn)	đồng/học sinh/tháng		
b	Chăm sóc, phục vụ bán trú (người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)	đồng/học sinh/tháng		
c	Phụ phí (chất đốt, điện nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	đồng/học sinh/tháng		
8	Tiền mua sắm vật dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho HS bán trú lần đầu	đồng/học sinh/khóa học		
9	Tài trợ	đồng		

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc TK: 3713.0.1075936	Đồng	405.738.405	
3	Số dư tiền gửi ngân hàng TK: 117002982787	Đồng	312.073.960	
	TK: 0341005324220	Đồng	271.623.097	
	TK: 4633208339	Đồng	531.108	
		Đồng	39.919.755	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	50	

II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	5.840.447.222	
III	Các khoản giảm trừ	Đồng	8.035.542.778	
	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	19	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	7.482.200.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng	0	
3	Bảo hiểm được trừ	Đồng	553.342.778	
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	204339475	
V	Số thuế TNCN phải nộp	Đồng	8.821.580	

6. Công khai dự toán thu - chi 6 tháng đầu năm 2025

ST T	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2025	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.364.015.000	5.171.021.511	5.264.131.532	50%
	Tiền lương	5.421.196.000	2.629.002.236	2.792.193.764	
	Lương hợp đồng theo chế độ	96.000.000	56.000.000	40.000.000	
	Phụ cấp lương	3.031.060.000	1.540.860.348	1.490.199.652	
	Các khoản đóng góp	1.486.529.000	733.224.653	753.304.347	
	Tiền thưởng	0	7.080.000	0	
	Phúc lợi tập thể	0	0	0	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	84.000.000	55.069.631	28.930.369	
	Vật tư văn phòng	39.420.000	6.570.000	32.850.000	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.000.000	12.562.843		
	Hội nghị	3.000.000	0	3.000.000	
	Công tác phí	5.400.000	5.620.800		
	Chi phí thuê mướn	0	14.455.000		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	118.000.000	23.415.000	94.585.000	
	Chi phí mua sắm TS phục vụ CM	0	0		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	21.200.000	71.019.400		
	Chi khác	45.210.000	16.141.600	29.068.400	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		57.815.854		
	Chi sửa chữa CSVC (Sửa chữa		0		

	các hạng mục: Khu nhà Hiệu bộ, Công trường, Các phòng lớp học, khu vệ sinh,...)				
	Tiền thưởng		29.820.000		
	Hỗ trợ GV dạy học sinh khuyết tật		27.995.854		
	Kinh phí chế độ tinh giản biên chế		0		

Nơi nhận:

- CBGVNV trường.
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Nguyễn Thị Quyên Oanh**